

Số: 895 /QĐ-UBND

Hải Phòng, ngày 13 tháng 3 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung  
lĩnh vực y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;*

*Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 về kiểm soát thủ tục, hành chính; số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 và số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; số 107/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018;*

*Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ: số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính; số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Quyết định số 34/2024/QĐ-UBND ngày 30/10/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc ban hành Quy định trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trên địa bàn thành phố Hải Phòng;*

*Căn cứ các Quyết định của Bộ trưởng Bộ Y tế: số 135/QĐ-BYT ngày 15/01/2019 về việc sửa đổi, bổ sung thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực an toàn thực phẩm và dinh dưỡng thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế; số 2318/QĐ-BYT ngày 06/4/2018 về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành/bị bãi bỏ lĩnh vực an toàn thực phẩm và dinh dưỡng thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế; số 1613/QĐ-BYT ngày 11/6/2024 về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại các Quyết định của Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính lĩnh vực an toàn thực phẩm và dinh dưỡng và số 443/QĐ-BYT ngày 07/02/2025 về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 57/2024/TT-BYT ngày 31/12/2024 của Bộ Y tế quy định việc phân cấp, giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Y tế;*



Theo đề nghị của Giám đốc Sở Y tế tại Tờ trình số 17/TTr-SYT ngày 14/02/2025.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

**Điều 2.** Giao Giám đốc Sở Y tế tổ chức thực hiện việc công khai Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực y tế trên địa bàn thành phố được quy định tại Quyết định này; xây dựng và ban hành quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính và cập nhật trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính thành phố theo quy định.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Danh mục thủ tục hành chính tại Quyết định này thay thế danh mục thủ tục hành chính được quy định tại các số thứ tự 3, 4, 5 mục III. Lĩnh vực khám bệnh, chữa bệnh, số thứ tự 1 mục X. Lĩnh vực An toàn thực phẩm và dinh dưỡng Phần II, Phụ lục I và số thứ tự 1 mục I. Lĩnh vực An toàn thực phẩm và dinh dưỡng Phần III, Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định số 1138/QĐ-UBND ngày 20/4/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố; danh mục thủ tục hành chính được quy định tại các số thứ tự 1.9, 1.10, 1.13, 1.15, 1.16, 1.18, 1.19, 1.20, 1.21, 1.22, 1.23 mục 1. Lĩnh vực khám bệnh, chữa bệnh, Phần I, Phụ lục Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc lĩnh vực y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng ban hành kèm theo Quyết định số 1213/QĐ-UBND ngày 12/4/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố và danh mục thủ tục hành chính được quy định tại các số thứ tự 2, 3, 6, 8, 9, 11, 12, 13, 14, 15 mục 1. Lĩnh vực khám bệnh, chữa bệnh, Phần A, Phụ lục Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc lĩnh vực y tế trên địa bàn thành phố ban hành kèm theo Quyết định số 4108/QĐ-UBND ngày 12/11/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; Giám đốc Sở Y tế, Thủ trưởng các sở ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã trên địa bàn thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *./.*

### Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- VPCP, Bộ Y tế;
- Cục KSTTHC - VPCP;
- CT, các PCT UBND TP;
- Các PCVP UBND TP;
- Trung tâm BC&TT TP, CD ANHP;
- Các Phòng: KSTTHC, VX;
- Công TTĐTTP;
- Lưu: VT, KSTTHC2 *q*

CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Tùng

**Phụ lục**  
**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG LĨNH VỰC Y TẾ**  
**TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**  
(Kèm theo Quyết định số **895/QĐ-UBND** ngày **13** tháng **3** năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng)

**A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH (18 TTHC)**

| TT                            | Mã thủ tục hành chính | Tên thủ tục hành chính                                                                                                                                                                                             | Thời hạn giải quyết               | Địa điểm thực hiện                                                                                                                                                                                                     | Phí, lệ phí (nếu có) | Cách thức thực hiện ngoài nộp hồ sơ, nhận kết quả trực tiếp |                            | Căn cứ pháp lý (Tên văn bản quy phạm pháp luật quy định nội dung sửa đổi, bổ sung)                                                                                                               |
|-------------------------------|-----------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|-------------------------------------------------------------|----------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                               |                       |                                                                                                                                                                                                                    |                                   |                                                                                                                                                                                                                        |                      | Dịch vụ công trực tuyến                                     | Dịch vụ bưu chính công ích |                                                                                                                                                                                                  |
| Lĩnh vực Khám bệnh, chữa bệnh |                       |                                                                                                                                                                                                                    |                                   |                                                                                                                                                                                                                        |                      |                                                             |                            |                                                                                                                                                                                                  |
| 1                             | 1.012289              | Cấp mới giấy phép hành nghề trong giai đoạn chuyển tiếp đối với hồ sơ nộp từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến thời điểm kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề đối với các chức danh bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, | 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | Sở Y tế<br>a) Đối với người làm việc tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trên địa bàn quản lý của Sở Y tế (bao gồm cả các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc Bộ, ngành) trừ cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc Bộ Y tế, Bộ | 430.000 đồng/hồ sơ   | Một phần                                                    | X                          | - Luật Khám bệnh, chữa bệnh năm 2023;<br>- Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ;<br>- Thông tư số 59/2023/TT-BTC ngày 30/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;<br>- Thông tư số |



|   |          |                                                                                                                                                                                                                                                                  |                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |                                                                                                                             |          |   |                                                                                                                                                                                                                                                       |
|---|----------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|---|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|   |          | kỹ thuật y, dinh dưỡng lâm sàng, cấp cứu viên ngoại viện, tâm lý lâm sàng                                                                                                                                                                                        |                                  | Quốc phòng, Bộ Công an;<br>- Đối với người làm việc tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân (bao gồm cả bệnh viện tư nhân)<br>- Đối với người đang không làm việc tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh                                                                                                                                             |                                                                                                                             |          |   | 57/2024/TT-BYT ngày 31/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế                                                                                                                                                                                                  |
| 2 | 1.012290 | Cấp lại giấy phép hành nghề đối với hồ sơ nộp từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến thời điểm kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề đối với các chức danh bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, dinh dưỡng lâm sàng, cấp cứu viên ngoại viện, tâm lý lâm sàng | 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | Sở Y tế<br>a) Đối với người làm việc tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trên địa bàn quản lý của Sở Y tế tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (bao gồm cả các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc Bộ, ngành) trừ cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc Bộ Y tế, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an;<br>b) Đối với người làm việc tại cơ sở khám bệnh, chữa | - 150.000 đồng/hồ sơ (trường hợp 1,2,12,15,16,17);<br>- 430.000 đồng/hồ sơ (trường hợp 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 13, 14) | Một phần | X | - Luật Khám bệnh, chữa bệnh năm 2023;<br>- Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ;<br>- Thông tư số 59/2023/TT-BTC ngày 30/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;<br>- Thông tư số 57/2024/TT-BYT ngày 31/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế |

|   |          |                                                                                                                                                                                                                                                                                              |                                                                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                |          |   |                                                                    |
|---|----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|----------|---|--------------------------------------------------------------------|
|   |          |                                                                                                                                                                                                                                                                                              |                                                                               | bệnh tư nhân (bao gồm cả bệnh viện tư nhân);<br>c) Đối với người đang không làm việc tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |                |          |   |                                                                    |
| 3 | 1.012291 | Gia hạn giấy phép hành nghề trong giai đoạn chuyển tiếp đối với hồ sơ nộp từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến thời điểm kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề đối với các chức danh bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, dinh dưỡng lâm sàng, cấp cứu viên ngoại viện, tâm lý lâm sàng | 60 ngày kể từ khi nhận đủ hồ sơ đến ngày hết hạn ghi trên giấy phép hành nghề | Sở Y tế<br>a) Đối với người làm việc tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trên địa bàn quản lý của Sở Y tế tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (bao gồm cả các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc Bộ, ngành) trừ cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc Bộ Y tế, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an;<br>b) Đối với người làm việc tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân (bao gồm cả bệnh viện tư nhân); c) Đối với người đang không làm việc tại | Không quy định | Một phần | X | - Thông tư số 57/2024/TT-BYT ngày 31/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế |

|   |          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                    |          |   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
|---|----------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|----------|---|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|   |          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                                  | cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |                    |          |   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
| 4 | 1.012292 | Điều chỉnh giấy phép hành nghề trong giai đoạn chuyển tiếp đối với hồ sơ nộp từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến thời điểm kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề đối với các chức danh bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, dinh dưỡng lâm sàng, cấp cứu viên ngoại viện, tâm lý lâm sàng | 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | Sở Y tế<br>a) Đối với người làm việc tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trên địa bàn quản lý của Sở Y tế tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (bao gồm cả các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc Bộ, ngành) trừ cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc Bộ Y tế, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an;<br>b) Đối với người làm việc tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân (bao gồm cả bệnh viện tư nhân);<br>c) Đối với người đang không làm việc tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh. | 430.000 đồng/hồ sơ | Một phần | X | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Khám bệnh, chữa bệnh năm 2023;</li> <li>- Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 59/2023/TT-BTC ngày 30/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;</li> <li>- Thông tư số 57/2024/TT-BYT ngày 31/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế.</li> </ul> |
| 5 | 1.012276 | Thu hồi giấy phép hành nghề trong trường hợp quy                                                                                                                                                                                                                                                | Sau 15 ngày kể từ khi nhận       | Sở Y tế<br>a) Đối với người làm việc tại các cơ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Không quy định     | Một phần | X | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Khám bệnh, chữa bệnh năm 2023;</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                    |



|   |          |                                                                                                              |                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |                |          |   |                                                                                                                                                                                           |
|---|----------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|----------|---|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|   |          | định tại điểm i khoản 1 Điều 35 Luật Khám bệnh, chữa bệnh                                                    | được đơn đề nghị và giấy phép hành nghề kèm theo | sở khám bệnh, chữa bệnh trên địa bàn quản lý của Sở Y tế tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (bao gồm cả các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc Bộ, ngành) trừ cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc Bộ Y tế, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an;<br>b) Đối với người làm việc tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân (bao gồm cả bệnh viện tư nhân);<br>c) Đối với người đang không làm việc tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh. |                |          |   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 57/2024/TT-BYT ngày 31/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế</li> </ul> |
| 6 | 1.012257 | Cho phép tổ chức đoàn khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo theo đợt, khám bệnh, chữa bệnh lưu động thuộc trường hợp | 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ                 | Sở Y tế đối với trường hợp tổ chức, cá nhân khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo theo đợt hoặc khám bệnh, chữa bệnh                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Không quy định | Một phần | X | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Khám bệnh, chữa bệnh năm 2023;</li> <li>- Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ;</li> </ul>                              |

|   |          |                                                                                                   |                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                |          |   |                                                                                                                                                                            |
|---|----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|----------|---|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|   |          | quy định tại khoản 1 Điều 79 Luật Khám bệnh, chữa bệnh hoặc cá nhân khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo |                                  | lưu động trừ các trường hợp quy định tại các mục 1, 2 và 3                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                |          |   | - Thông tư số 57/2024/TT-BYT ngày 31/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế                                                                                                         |
| 7 | 1.012261 | Đề nghị thực hiện thí điểm khám bệnh, chữa bệnh từ xa                                             | 45 ngày                          | Sở Y tế<br>a) Các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trên địa bàn quản lý của Sở Y tế tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (bao gồm cả các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc Bộ, ngành), trừ cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc Bộ Y tế, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an;<br>b) Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân trên địa bàn quản lý (trừ bệnh viện tư nhân). | Không quy định | Một phần | X | - Luật Khám bệnh, chữa bệnh năm 2023;<br>- Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ;<br>- Thông tư số 57/2024/TT-BYT ngày 31/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế |
| 8 | 1.012258 | Cho phép người nước ngoài vào Việt Nam chuyển giao kỹ thuật                                       | 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | Sở Y tế đối với trường hợp người nước ngoài vào làm việc tại cơ sở                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Không quy định | Một phần | X | - Luật Khám bệnh, chữa bệnh năm 2023;<br>- Nghị định số                                                                                                                    |



|    |          |                                                                                                      |                                                                              |                                                                                                                                                                                                                                                                           |                                                                                                                                                                                 |          |   |                                                                                                                                                                             |
|----|----------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|---|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    |          | chuyên môn về khám bệnh, chữa bệnh hoặc hợp tác đào tạo về y khoa có thực hành khám bệnh, chữa bệnh. |                                                                              | khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc Sở Y tế tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hoặc tại địa bàn quản lý                                                                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                 |          |   | 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ;<br>- Thông tư số 57/2024/TT-BYT ngày 31/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế                                                          |
| 9  | 1.012262 | Xếp cấp chuyên môn kỹ thuật                                                                          | 60 ngày kể từ ngày ghi trên phiếu tiếp nhận hồ sơ                            | Sở Y tế xếp cấp chuyên môn kỹ thuật đối với các bệnh viện trên địa bàn quản lý (bao gồm cả các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc Bộ, ngành) và các bệnh viện tư nhân đã được Bộ Y tế cấp giấy phép hoạt động, trừ bệnh viện trực thuộc Bộ Y tế, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an. | Không quy định                                                                                                                                                                  | Một phần | X | - Luật Khám bệnh, chữa bệnh năm 2023;<br>- Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ;<br>- Thông tư số 57/2024/TT-BYT ngày 31/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế. |
| 10 | 1.012280 | Điều chỉnh giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh                                                  | - Trường hợp không phải thẩm định thực tế tại cơ sở: 20 ngày kể từ ngày nhận | Sở Y tế<br>a) Các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trên địa bàn quản lý của Sở Y tế (bao gồm cả các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc Bộ,                                                                                                                                        | - Không thu phí đối với trường hợp cấp sai do lỗi của cơ quan có thẩm quyền cấp, trường hợp thay đổi địa chỉ nhưng không thay đổi địa điểm do có sự điều chỉnh về địa giới hành | Một phần | X | - Luật Khám bệnh, chữa bệnh năm 2023;<br>- Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ;<br>- Thông tư số                                                       |

|  |  |  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |                                                                                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |  |                                                                                                                                           |
|--|--|--|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|  |  |  | <p>đủ hồ sơ;<br/> <b>-Trường hợp phải thẩm định thực tế tại cơ sở:</b> Tổ chức thẩm định điều kiện hoạt động và danh mục kỹ thuật thực hiện tại cơ sở đề nghị và lập biên bản thẩm định trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ và; 10 ngày làm việc kể từ ngày ban hành biên bản thẩm định hoặc nhận được văn bản thông báo</p> | <p>ngành), trừ cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc Bộ Y tế và các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an;<br/> b) Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân trên địa bàn quản lý (trừ bệnh viện tư nhân).</p> | <p>chính và trường hợp điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với trường hợp giảm bớt danh mục kỹ thuật của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh):</p> <p>1. Trường hợp 1: 1.500.000 đồng/hồ sơ</p> <p>2. Trường hợp 2:</p> <p>a) Thay đổi quy mô hoạt động:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bệnh viện: 10.500.000 đồng/hồ sơ.</li> <li>- Phòng khám đa khoa, nhà hộ sinh, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh y học gia đình: 5.700.100 đồng/hồ sơ.</li> <li>- Phòng khám y học cổ truyền, Phòng chẩn trị y học cổ truyền, Trạm y tế: 3.100.000 đồng/hồ sơ.</li> <li>- Các hình thức tổ chức khám bệnh, chữa bệnh khác: 4.300.000 đồng/hồ sơ.</li> </ul> <p>b) Thay đổi phạm vi hoạt động chuyên môn hoặc bổ sung danh mục kỹ thuật</p> |  | <p>59/2023/TT-BTC ngày 30/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;<br/> - Thông tư số 57/2024/TT-BYT ngày 31/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế.</p> |
|--|--|--|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|



|    |          |                   |                                                                                  |                                                                                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |          |   |                                                                                                                               |
|----|----------|-------------------|----------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|---|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    |          |                   | và tài liệu chứng minh đã hoàn thành việc khắc phục, sửa chữa của cơ sở đề nghị. |                                                                                     | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bệnh viện, Phòng khám đa khoa, Nhà hộ sinh, Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh y học gia đình, Phòng khám chuyên khoa, Phòng khám liên chuyên khoa, Phòng khám bác sỹ y khoa, Phòng khám răng hàm mặt, Phòng khám dinh dưỡng, Phòng khám y sỹ đa khoa, Cơ sở dịch vụ cận lâm sàng: 4.300.000 đồng/hồ sơ.</li> <li>- Phòng khám y học cổ truyền, Phòng chẩn trị y học cổ truyền, Trạm y tế: 3.100.000 đồng/hồ sơ.</li> <li>- Các hình thức tổ chức khám bệnh, chữa bệnh khác: 4.300.000 đồng/hồ sơ.</li> <li>c) Giảm bớt danh mục kỹ thuật: Không thu phí.</li> </ul> |          |   |                                                                                                                               |
| 11 | 1.012275 | Đăng ký hành nghề | -Cùng thời điểm cấp giấy phép hoạt động đối với                                  | Sở Y tế<br>a) Các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trên địa bàn quản lý của Sở Y tế tỉnh, | Không quy định                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Một phần | X | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Khám bệnh, chữa bệnh năm 2023;</li> <li>- Nghị định số 96/2023/NĐ-CP</li> </ul> |

|    |          |                                                              |                                                                                                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                          |          |   |                                                                                                                 |
|----|----------|--------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|----------|---|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    |          |                                                              | <p>trường hợp quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 29 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP;</p> <p>- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ thời điểm tiếp nhận văn bản đăng ký hành nghề đối với trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều 29 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP.</p> | <p>thành phố trực thuộc Trung ương (bao gồm cả các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc Bộ, ngành), trừ cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc Bộ Y tế và cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an;</p> <p>b) Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân trên địa bàn quản lý (bao gồm cả bệnh viện tư nhân).</p> |                          |          |   | <p>ngày 30/12/2023 của Chính phủ;</p> <p>- Thông tư số 57/2024/TT-BYT ngày 31/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế</p> |
| 12 | 1.002464 | Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo dịch vụ khám bệnh, chữa | 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ                                                                                                                                                                                                                              | Sở Y tế                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 1.000.000đ/lần thẩm định | Một phần | X | <p>- Luật quảng cáo ngày 21/06/2012</p> <p>- Luật Khám bệnh, chữa bệnh</p>                                      |



|    |          |                                                                                                                                         |                                         |         |                |          |   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
|----|----------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|---------|----------------|----------|---|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    |          | bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế                                                                                                       |                                         |         |                |          |   | năm 2023;<br>- Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ<br>- Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ<br>- Thông tư số 09/2015/TT-BYT ngày 25/5/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế<br>- Thông tư số 59/2023/TT-BTC ngày 30/8/2023 của Bộ Tài chính;<br>- Thông tư số 57/2024/TT-BYT ngày 31/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế |
| 13 | 1.000562 | Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế trong trường hợp bị mất hoặc hư hỏng | 05 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Sở Y tế | Không quy định | Một phần | X | - Luật quảng cáo ngày 21/06/2012;<br>- Luật Khám bệnh, chữa bệnh năm 2023;<br>- Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ;                                                                                                                                                                                                          |

|    |          |                                                                                                                                                                                                               |                                         |         |                |          |   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
|----|----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|---------|----------------|----------|---|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    |          |                                                                                                                                                                                                               |                                         |         |                |          |   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ</li> <li>- Thông tư số 09/2015/TT-BYT ngày 25/5/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế</li> <li>- Thông tư số 57/2024/TT-BYT ngày 31/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế.</li> </ul>                                                                                   |
| 14 | 1.000511 | Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế khi có thay đổi về tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm và không thay đổi nội dung quảng cáo | 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Sở Y tế | Không quy định | Một phần | X | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật quảng cáo ngày 21/06/2012;</li> <li>- Luật Khám bệnh, chữa bệnh năm 2023;</li> <li>- Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ</li> <li>- Thông tư số 09/2015/TT-BYT ngày 25/5/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế</li> </ul> |

|                                           |          |                                                                                                                                                                     |                  |                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |            |   |                                                                                                                                                    |
|-------------------------------------------|----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|-----------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|---|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                                           |          |                                                                                                                                                                     |                  |                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |            |   | - Thông tư số 57/2024/TT-BYT ngày 31/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế.                                                                                |
| <b>Lĩnh vực An toàn vệ sinh thực phẩm</b> |          |                                                                                                                                                                     |                  |                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |            |   |                                                                                                                                                    |
| 15                                        | 1.002425 | Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất thực phẩm, kinh doanh dịch vụ ăn uống thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | 20 ngày làm việc | Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đối với cơ sở sản xuất nhỏ lẻ được cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm: 500.000đ/lần/cơ sở.</li> <li>- Đối với cơ sở sản xuất khác được cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm: 2.500.000đ/lần/cơ sở.</li> <li>- Đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống Phục vụ dưới 200 suất</li> </ul> | Toàn trình | X | Luật An toàn thực phẩm năm 2010;<br>- Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018;<br>- Thông tư số 67/2021/TT-BTC ngày 05/8/2021 của Bộ Tài chính |



|    |          |                                                                                                                                                                                |                                           |                                   |                                                                                                                                  |            |   |                                                                                                                                                                        |
|----|----------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------|-----------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|---|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    |          |                                                                                                                                                                                |                                           |                                   | ăn:700.000đ /lần/cơ sở.<br>- Đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống<br>Phục vụ từ 200 suất ăn trở lên:<br>1.000.000đ/lần/cơ sở |            |   |                                                                                                                                                                        |
| 16 | 1.003348 | Đăng ký bản công bố sản phẩm nhập khẩu đối với thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi           | 07 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ | Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm | 1.500.000đồng/1 sản phẩm                                                                                                         | Toàn trình | X | - Luật An toàn thực phẩm số ngày 17/6/2010<br>- Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 2/2/2018 của Chính phủ<br>- Thông tư số 67/2021/TT-BTC ngày 05/8/2021 của Bộ Tài chính |
| 17 | 1.003332 | Đăng ký bản công bố sản phẩm sản xuất trong nước đối với thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi | 07 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ | Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm | 1.500.000đồng/1 sản phẩm                                                                                                         | Toàn trình | X | - Luật An toàn thực phẩm ngày 17/6/2010<br>- Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 2/2/2018 của Chính phủ<br>- Thông tư số 67/2021/TT-BTC ngày 05/8/2021 của Bộ Tài chính    |
| 18 | 1.003108 | Đăng ký nội dung quảng cáo đối với sản phẩm dinh dưỡng y học, thực                                                                                                             | 10 ngày làm việc                          | Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm | 1.100.000/lần/1 sản phẩm                                                                                                         | Toàn trình | X | - Luật An toàn thực phẩm năm 2010;<br>- Luật Quảng cáo                                                                                                                 |

|  |  |                                                                                      |  |  |  |  |  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
|--|--|--------------------------------------------------------------------------------------|--|--|--|--|--|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|  |  | phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi |  |  |  |  |  | <p>năm 2012;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 2/2/2018 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 100/2014/NĐ-CP ngày 06/11/2014 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 09/2015/TT-BYT ngày 25/5/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế;</li> <li>- Thông tư số 10/2013/TT-BVHTTDL ngày 06/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch;</li> <li>- Thông tư số 67/2021/TT-BTC ngày 05/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính</li> </ul> |
|--|--|--------------------------------------------------------------------------------------|--|--|--|--|--|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|

10/11/21

## B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN (01 TTHC)

| TT                                 | Mã thủ tục hành chính | Tên thủ tục hành chính                                                                                                                                                                                                           | Thời hạn giải quyết                       | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí (nếu có) | Cách thức thực hiện ngoài nộp hồ sơ, nhận kết quả trực tiếp |                            | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                      |
|------------------------------------|-----------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------|--------------------|----------------------|-------------------------------------------------------------|----------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                                    |                       |                                                                                                                                                                                                                                  |                                           |                    |                      | Dịch vụ công trực tuyến                                     | Dịch vụ bưu chính công ích |                                                                                                                                                     |
| Lĩnh vực An toàn vệ sinh thực phẩm |                       |                                                                                                                                                                                                                                  |                                           |                    |                      |                                                             |                            |                                                                                                                                                     |
| 1                                  | 1.002425              | Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống có Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh có quy mô dưới 200 suất ăn/lần phục vụ thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện | 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ | UBND cấp huyện     | 700.000đ /lần/cơ sở  | Một phần                                                    | X                          | -Luật An toàn thực phẩm năm 2010;<br>- Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018;<br>- Thông tư số 67/2021/TT-BTC ngày 05/8/2021 của Bộ Tài chính |